

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Quốc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Như Suất

2. Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kiều Thị Thu T, sinh năm 1989

HKTT: Xóm C, thôn P, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Đội 11, thôn B, xã L, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Doãn T, sinh năm 1982

HKTT và nơi ở: Xóm C, thôn P, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Chị T có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Kiều Thị Thu T trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Doãn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Q, thành phố Hà Nội ngày 20/10/2013; được gia

đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi cưới vợ chồng chị ở cùng bố mẹ chồng tại Xóm C, thôn P, xã N, huyện Q. Anh T làm nghề buôn bán cây cảnh, vẽ tranh nghệ thuật làm nguồn thu nhập chính mỗi tháng anh T thu nhập từ 5- 7 triệu đồng, còn chị là cán bộ công chức nhà nước tại Ban tuyên giáo Huyện ủy Q.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, vui vẻ. Từ khi chị mang thai và sinh cháu thứ ba cho tới nay vợ chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Sau nhiều lần hai bên đều cố gắng nói chuyện nhưng quan điểm của cả hai bên trong cuộc sống khác nhau, không đi đến sự thống nhất làm cho không khí gia đình không được vui vẻ, hòa thuận ảnh hưởng xấu đến tâm lý của các thành viên trong gia đình. Nhiều khi nóng tính anh T có đánh đập chị và thường xuyên sử dụng những lời lẽ không tôn trọng, bạo lực tinh thần bằng lời nói đối với chị. Anh T không chủ động trong việc gánh vác trách nhiệm về kinh tế đối với gia đình; thường xuyên đi về muộn, không chia sẻ công việc nhà và chăm sóc con cái. Chị đã khuyên bảo nhiều lần để mong anh thay đổi nhưng anh vẫn không thay đổi. Bên cạnh đó anh T còn có sự ghen tuông vô cớ dẫn đến ảnh hưởng đến kết quả công việc của chị. Vì vậy từ tháng 3/2023 tới nay chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống tại đội 11 thôn B, xã L, huyện Q, thành phố Hà Nội và đưa 2 con chung là Nguyễn Bảo N và Nguyễn Kiều L về sống cùng. Còn con chung Nguyễn Kỳ N ở cùng bố và ông bà nội tại Xóm C, thôn P, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay đã được 1 năm. Trong thời gian ly thân, Anh T thì thoảng có vào thăm, đón con nhưng mỗi lần anh T đến nhà thường có thái độ không tốt, không tôn trọng bố mẹ chị và cũng không có ý thức thay đổi tính nết cũng như cách sống khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Nay chị xét thấy vợ chồng không thể về đoàn tụ với nhau được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Nguyễn Bảo N; Sinh ngày 04/02/2015; Nguyễn Kỳ N; Sinh ngày 26/11/2018 và Nguyễn Kiều L; Sinh ngày 20/9/2021.

Khi ly hôn chị đề nghị Toà án giao chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Nguyễn Bảo N và Nguyễn Kiều L vì 2 cháu là con gái và các cháu đang học tại trường học trên địa bàn xã L, cuộc sống và học tập của các cháu đã ổn định nên các cháu ở với chị sẽ đảm bảo cuộc sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của các cháu đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Nguyễn Kỳ N vẫn ở cùng bố và ông bà nội từ khi chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; cuộc sống của cháu Nam vẫn được đảm bảo nên chị có nguyện vọng tiếp tục để anh T là người trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng giáo dục con chung Nguyễn Kỳ N. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Kỳ N cho anh T.

- Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai của bị đơn là anh Nguyễn Doãn T dưới sự chứng kiến của Trưởng thôn P, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, Tòa án đã thông báo về yêu cầu khởi kiện, về con chung, tài sản chung, công nợ chung của chị T để anh Nguyễn Doãn T nghe và trình bày quan điểm của anh nhưng anh T từ chối trình bày quan điểm và khẳng định anh sẽ không đến Tòa án làm việc đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, cho vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng không đồng ý ký vào biên bản ghi lời khai của Tòa án.

Anh T đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa nhưng anh T đều cố tình vắng mặt.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị T, anh T thông qua bà Đỗ Thị Hà là mẹ đẻ anh T xác nhận: Việc đăng ký kết hôn, chung sống trong thời kỳ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung của chị T, anh T đúng như chị T trình bày. Do anh T tình tình nóng nảy, không khéo léo trong cách cư xử, ghen tuông vô cớ không muốn chị T tham gia các hoạt động của cơ quan dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Chị T cùng 02 con gái đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ khoảng tháng 3, tháng 4/2023. Bà đã nói chuyện cùng bố mẹ chị T và chị T để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết không về. Nay chị T có yêu cầu xin ly hôn bà Hà đề nghị Tòa án hoà giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Nếu không được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung của chị T, anh T: bà đồng ý với quan điểm của chị T giao anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Kỳ N vì hiện tại cuộc sống và môi trường sinh hoạt của cháu Nam vẫn ổn định và đảm bảo, cháu vẫn ở cùng bố và ông bà nội từ khi chị T về sinh sống nhà mẹ đẻ tại xã L.

Tại bản tự khai của bố mẹ chị T là ông Kiều Văn N và bà Trần Thị T xác định: mâu thuẫn của chị T, anh T đúng như chị T đã trình bày. Ông bà cũng đã khuyên bảo cả hai vợ chồng nhưng không thể giải quyết được những mâu thuẫn của chị T, anh T. Kể từ tháng 3/2023 đến nay, chị T cùng cháu Ngọc và cháu Linh chuyển về nhà ông bà sinh sống, ông bà luôn hỗ trợ chị T về kinh tế và chăm sóc các cháu để đỡ đàn chị T; anh T không có sự thay đổi mà tạo thêm sự bất hoà trong gia đình ông bà. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T để chị T được ly hôn anh T sớm ổn định cuộc sống.

Qua biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị T, anh T xác nhận: cán bộ địa phương không nhận được thông tin gì về mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh T đến khi Toà án về xác minh cán bộ địa phương mới biết. Hiện tại anh T làm nghề buôn bán cây cảnh, vẽ tranh, anh T vẫn chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương kể từ khi lấy chị T cho đến nay. Chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên, hoà giải đối với chị T nhưng chị T vẫn cương quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng. Bị đơn từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác và vắng mặt tại phiên tòa nên Toà án không tiến hành hoà giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2, điểm 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: thấy hôn nhân của chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thời gian hai người ly thân đã lâu, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Gia đình hai bên đã tiến hành hoà giải nhưng không thành. Toà án đã triệu tập anh T đến tham gia hoà giải và tham dự phiên tòa nhưng anh T đều không tham gia thể hiện không có thiện chí hoà giải. Như vậy, có thể thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Do đó Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Chị T, anh T có 03 con chung là: Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/02/2015; Nguyễn Kỳ N, sinh ngày 26/11/2018 và Nguyễn Kiều L, sinh ngày 20/9/2021.

Khi ly hôn chị T đề nghị Toà án giao chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Nguyễn Bảo N và Nguyễn Kiều L; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; giao anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Nguyễn Kỳ N. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Kỳ N cho anh T.

+ Về tài sản chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

+ Về công nợ chung: chị T xác định không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

+ Về án phí: Chị Kiều Thị Thu T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn là chị Kiều Thị Thu T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp Hôn nhân và gia đình với bị đơn là anh Nguyễn Doãn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Xóm C, thôn P, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Q đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn là anh Nguyễn Doãn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về yêu cầu xin ly hôn:

Chị Kiều Thị Thu T và anh Nguyễn Doãn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Q, thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2013, quyển số 01 ngày 20/10/2013. Xác định hôn nhân là hợp pháp.

Xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T thấy:

Vợ chồng chị T, anh T thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không đi đến sự thống nhất chung khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh T không có trách nhiệm với vợ con nên chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống tại đội 11, thôn B, xã L, huyện Q, thành phố Hà Nội và đưa 2 con chung là Nguyễn Bảo N và Nguyễn Kiều L về sống cùng từ tháng 3/2023 cho tới nay đã được 1 năm. Anh chị cũng ly thân từ đó, hai bên không có quan hệ tình cảm gì với nhau nữa.

Anh T và gia đình anh T đã khuyên bảo chị T và nói chuyện với gia đình chị T để khuyên chị T về đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết không về

và gửi đơn đến Toà án xin ly hôn anh T để chị sớm ổn định cuộc sống, chăm lo cho các con và tập trung vào công việc của chị.

Mâu thuẫn của chị T, anh T cũng đã được bố mẹ hai bên xác nhận về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T là người nóng tính, không chăm lo cho vợ con dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ 1 năm nay. Trong suốt thời gian ly thân, anh T không có thái độ tích cực hàn gắn vợ chồng mà còn tạo thêm sự bất hoà trong gia đình.

Toà án cũng đã phân tích, hoà giải để chị T về đoàn tụ nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn. Anh T muốn đoàn tụ nhưng khi Toà án triệu tập họp lệ anh T không đến Toà án làm việc để Toà án hoà giải đoàn tụ cho vợ chồng; bản thân anh T cũng không tự giải quyết được mâu thuẫn giữa anh và chị T để vợ chồng về đoàn tụ nhưng cũng không tham gia hoà giải tại Toà án thể hiện thiếu thiện chí hoà giải.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống hạnh phúc gia đình nhưng chị T, anh T đã sống ly thân được 1 năm nay; hiện tại chị cùng 02 con gái về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn anh T cùng con trai sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại thôn P, mỗi người sống một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Anh T đã được Toà án thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T tại buổi làm việc trực tiếp với anh T tại gia đình nhà anh T ngày 27/02/2024. Anh T không có ý kiến gì mà từ chối đưa ra quan điểm và xác định anh không đến Toà án làm việc.

Như vậy, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị T, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở cho chị T ly hôn anh T.

[2.2]. Về con chung: Chị T, anh T có 03 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/02/2015; Nguyễn Kỳ N, sinh ngày 26/11/2018 và Nguyễn Kiều L, sinh ngày 20/9/2021.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Nguyễn Bảo N và Nguyễn Kiều L đến khi con chung Trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Nguyễn Kỳ N vẫn ở cùng bố và ông bà nội từ khi chị T chuyển vào nhà bố mẹ đẻ sinh sống; cuộc sống của cháu Nam vẫn được anh T và ông bà nội chăm sóc tốt nên chị có nguyện vọng tiếp tục để anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Nguyễn Kỳ N đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Kỳ N cho anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị T phù hợp với nguyện vọng của con chung Nguyễn Bảo N; phù hợp với cuộc sống hiện tại, công việc học tập và sự phát triển tâm sinh lý của các con chung cũng như đảm bảo quyền và lợi ích của các con chung. Chị T có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cho 3 mẹ con. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết; Anh T cũng không có yêu cầu. Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Anh T không phải chịu án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57; 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Kiều Thị Thu T. Xử cho chị Kiều Thị Thu T ly hôn anh Nguyễn Doãn T.

Về con chung: Xác nhận chị T, anh T có 03 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/02/2015; Nguyễn Kỳ N, sinh ngày 26/11/2018 và Nguyễn Kiều L, sinh ngày 20/9/2021.

Giao chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Nguyễn Bảo N và Nguyễn Kiều L đến khi con chung Trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Giao anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Kỳ N đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Chị T, anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thom nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên không phải cấp nuôi con chung cho nhau nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, anh T đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Kiều Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000785 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- Các đương sự;
- UBND xã Liệp Tuyết (Nơi đăng ký Kết hôn).
- Lưu: hồ sơ vụ án; VPTA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tổng Quốc Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ